

BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **13** /2020/TT-BLĐTBXH

Hà Nội, ngày **27** tháng **11** năm 2020

THÔNG TƯ

Hướng dẫn việc thu thập, lưu trữ, tổng hợp, cung cấp, công bố, đánh giá về tình hình tai nạn lao động và sự cố kỹ thuật gây mất an toàn, vệ sinh lao động nghiêm trọng

Căn cứ Luật An toàn, vệ sinh lao động ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 39/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn, vệ sinh lao động;

Căn cứ Nghị định số 14/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục An toàn lao động;

Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành Thông tư hướng dẫn việc thu thập, lưu trữ, tổng hợp, cung cấp, công bố, đánh giá về tình hình tai nạn lao động và sự cố kỹ thuật gây mất an toàn, vệ sinh lao động nghiêm trọng.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này hướng dẫn việc thu thập, lưu trữ, tổng hợp, cung cấp, công bố, đánh giá về tình hình tai nạn lao động và sự cố kỹ thuật gây mất an toàn, vệ sinh lao động nghiêm trọng.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với người sử dụng lao động và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc thu thập, lưu trữ, tổng hợp, cung cấp, công bố, đánh giá về tình hình tai nạn lao động và sự cố kỹ thuật gây mất an toàn, vệ sinh lao động nghiêm trọng.

Điều 3. Thu thập, lưu trữ, tổng hợp, cung cấp thông tin tai nạn lao động

1. Trách nhiệm thu thập, lưu trữ thông tin tai nạn lao động được quy định như sau:

a) Người sử dụng lao động phải tổ chức thu thập, lưu trữ thông tin về tình hình tai nạn lao động xảy ra tại cơ sở của mình; mở sổ thống kê tai nạn lao động theo mẫu quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này; cập nhật đầy đủ, kịp thời vào phần mềm cơ sở dữ liệu về tai nạn lao động của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội kể từ ngày phần mềm hoạt động; trong đó, xác định yêu

tổ chính gây chấn thương theo danh mục quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (sau đây gọi tắt là Ủy ban nhân dân cấp xã) phải tổ chức thu thập, lưu trữ thông tin về tình hình tai nạn lao động đối với người lao động làm việc không theo hợp đồng lao động xảy ra trên địa bàn; mở sổ thống kê tai nạn lao động theo mẫu quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này; cập nhật đầy đủ, kịp thời vào phần mềm cơ sở dữ liệu về tai nạn lao động của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội kể từ ngày phần mềm hoạt động; trong đó, xác định yếu tố chính gây chấn thương theo danh mục quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư này;

c) Cơ quan chịu trách nhiệm điều tra các vụ tai nạn lao động theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 34, khoản 4 Điều 35 Luật An toàn, vệ sinh lao động và Điều 21 Nghị định số 39/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn, vệ sinh lao động (sau đây gọi là Nghị định số 39/2016/NĐ-CP) tổ chức thu thập, lưu trữ thông tin vụ tai nạn lao động thuộc trách nhiệm điều tra; mở sổ thống kê tai nạn lao động thuộc trách nhiệm điều tra theo mẫu quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này; trong đó, xác định yếu tố chính gây chấn thương theo danh mục quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư này;

d) Sở Lao động - Thương binh và Xã hội phải tổ chức thu thập, lưu trữ thông tin về tình hình tai nạn lao động, bao gồm thông tin về các vụ tai nạn lao động có đề nghị khởi tố, vụ tai nạn lao động đã thực hiện khởi tố; báo cáo nhanh các vụ tai nạn lao động chết người, sự cố kỹ thuật về an toàn vệ sinh lao động nghiêm trọng xảy ra trên địa bàn; cập nhật đầy đủ, kịp thời vào phần mềm cơ sở dữ liệu về tai nạn lao động của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội kể từ ngày phần mềm hoạt động;

đ) Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội tổ chức thu thập, lưu trữ thông tin về tình hình tai nạn lao động xảy ra trong cả nước.

2. Người sử dụng lao động và các cơ quan được quy định tại khoản 1 Điều này, căn cứ vào các thông tin được thu thập, lưu trữ, có trách nhiệm tổng hợp, báo cáo tình hình tai nạn lao động theo quy định tại khoản 1, 2 và 3 Điều 36 Luật An toàn, vệ sinh lao động và Điều 24 Nghị định số 39/2016/NĐ-CP; cung cấp thông tin về tình hình tai nạn lao động khi được cơ quan quản lý nhà nước về lao động có thẩm quyền yêu cầu.

Điều 4. Đánh giá, công bố tình hình tai nạn lao động

1. Người sử dụng lao động có trách nhiệm đánh giá, công bố tình hình tai nạn lao động xảy ra tại cơ sở theo quy định sau:

a) Định kỳ 06 tháng, hằng năm, đánh giá, công bố tình hình tai nạn lao động xảy ra tại cơ sở cho người lao động biết. Thông tin phải được công bố trước ngày 10 tháng 7 đối với số liệu 06 tháng đầu năm và trước ngày 15 tháng 01 năm sau đối với số liệu cả năm;

b) Thông tin công bố phải được niêm yết công khai tại trụ sở của cơ sở và cấp tổ, đội, phân xưởng, phòng, ban (đối với các tổ, đội, phân xưởng, phòng,

ban có xảy ra tai nạn lao động), tại hội nghị người lao động hằng năm của doanh nghiệp và đăng tải trên trang thông tin điện tử của cơ sở (nếu có).

2. Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm đánh giá, công bố tình hình tai nạn lao động xảy ra đối với người lao động làm việc không theo hợp đồng lao động trên địa bàn theo quy định sau:

a) Định kỳ 06 tháng, hằng năm đánh giá, công bố tình hình tai nạn lao động đối với người lao động làm việc không theo hợp đồng lao động xảy ra trên địa bàn. Thông tin phải được công bố trước ngày 10 tháng 7 đối với số liệu 06 tháng đầu năm và trước ngày 15 tháng 01 năm sau đối với số liệu cả năm;

b) Thông tin công bố phải được niêm yết công khai tại trụ sở của Ủy ban nhân dân cấp xã, đăng tải trên trang thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân cấp xã (nếu có) và phát trên đài truyền thanh cấp xã.

3. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi là Sở Lao động - Thương binh và Xã hội) có trách nhiệm đánh giá, công bố tình hình tai nạn lao động xảy ra trên địa bàn theo quy định sau:

a) Định kỳ 06 tháng, hằng năm, đánh giá, công bố tình hình tai nạn lao động xảy ra tại địa phương. Thông tin phải được công bố trước ngày 20 tháng 7 đối với số liệu 06 tháng đầu năm và trước ngày 30 tháng 01 năm sau đối với số liệu cả năm;

b) Thông tin công bố phải được niêm yết công khai tại trụ sở, đăng tải trên trang thông tin điện tử của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và các phương tiện thông tin đại chúng của địa phương.

4. Cơ quan được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 3 Thông tư này đánh giá, công bố tình hình tai nạn lao động thuộc trách nhiệm điều tra theo quy định sau:

a) Định kỳ 06 tháng, hằng năm đánh giá, công bố tình hình tai nạn lao động thuộc thẩm quyền điều tra. Thông tin phải được công bố trước ngày 20 tháng 7 đối với số liệu 06 tháng đầu năm và trước ngày 30 tháng 01 năm sau đối với số liệu cả năm;

b) Thông tin công bố phải được niêm yết công khai tại trụ sở của cơ quan, đăng tải trên trang thông tin điện tử của cơ quan và các phương tiện truyền thông của Bộ, ngành quản lý (nếu có).

5. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội có trách nhiệm đánh giá, công bố tình hình tai nạn lao động xảy ra trong cả nước theo quy định sau:

a) Định kỳ 06 tháng, hằng năm, đánh giá, công bố tình hình tai nạn lao động xảy ra trong cả nước. Thông tin phải được công bố trước ngày 15 tháng 8 đối với số liệu 06 tháng đầu năm và trước ngày 25 tháng 02 năm sau đối với số liệu cả năm;

b) Thông tin công bố phải được đăng tải trên cổng thông tin điện tử của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và các phương tiện thông tin đại chúng.

6. Nội dung thông tin công bố tình hình tai nạn lao động:

- a) Số vụ tai nạn lao động, số vụ tai nạn lao động chết người;
- b) Số người bị tai nạn lao động, số người bị chết do tai nạn lao động;
- c) Nguyên nhân chủ yếu xảy ra tai nạn;
- d) Thiệt hại do tai nạn lao động, bao gồm: tổng số ngày nghỉ vì tai nạn lao động; các khoản chi về y tế, trả lương trong thời gian điều trị, bồi thường, trợ cấp, chi phí khác; thiệt hại tài sản;

đ) Sự biến động (về số lượng, tỷ lệ) các số liệu thống kê quy định tại các điểm a, b, c và d của khoản 6 này so với cùng thời kỳ hoặc giai đoạn báo cáo; phân tích nguyên nhân biến động và hiệu quả của các biện pháp phòng ngừa tai nạn lao động (bao gồm phân tích về kế hoạch an toàn, vệ sinh lao động và việc thực hiện kế hoạch).

Điều 5. Thu thập, lưu trữ, tổng hợp, cung cấp, đánh giá, công bố về sự cố kỹ thuật gây mất an toàn, vệ sinh lao động nghiêm trọng

1. Việc thu thập, lưu trữ, tổng hợp, cung cấp, đánh giá, công bố về sự cố kỹ thuật gây mất an toàn, vệ sinh lao động nghiêm trọng thực hiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

2. Trên cơ sở thông tin do cơ quan chủ trì điều tra sự cố kỹ thuật gây mất an toàn, vệ sinh lao động nghiêm trọng cung cấp theo quy định tại khoản 4 Điều 26 Nghị định số 39/2016/NĐ-CP, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đánh giá, công bố tình hình sự cố kỹ thuật gây mất an toàn, vệ sinh lao động nghiêm trọng xảy ra trong cả nước cùng với tình hình tai nạn lao động.

Điều 6. Trách nhiệm thi hành

1. Người sử dụng lao động có trách nhiệm tăng cường các biện pháp cải thiện điều kiện lao động; tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức của người lao động để phòng ngừa tai nạn lao động, sự cố kỹ thuật gây mất an toàn, vệ sinh lao động nghiêm trọng.

2. Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức của người lao động làm việc không theo hợp đồng lao động trên địa bàn để phòng ngừa tai nạn lao động, sự cố kỹ thuật gây mất an toàn, vệ sinh lao động nghiêm trọng.

3. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội có trách nhiệm phổ biến, hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện Thông tư này đến tất cả người sử dụng lao động tại địa phương.

4. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc các cơ sở thuộc quyền quản lý thực hiện quy định tại Thông tư này.

Điều 7. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2021.

2. Thông tư số 08/2016/TT-BLĐTBXH ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn việc thu thập, lưu trữ, tổng hợp, cung cấp, công bố, đánh giá về tình hình tai nạn lao động và sự cố kỹ thuật gây mất an toàn, vệ sinh lao động nghiêm trọng hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.

3. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được viện dẫn tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì thực hiện theo văn bản mới ban hành.

4. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị phản ánh về Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội để nghiên cứu, giải quyết./. *Thống*

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các Đoàn thể;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Sở LĐTBXH các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- Công báo;
- Cổng Thông tin điện tử Chính phủ;
- Trung tâm thông tin Bộ LĐTBXH;
- Lưu: VT, ATLĐ, PC.

KT. BỘ TRƯỞNG
THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI



Lê Tấn Dũng

Phụ lục I

MẪU SỔ THỐNG KÊ TAI NẠN LAO ĐỘNG CẤP CƠ SỞ

(Ban hành kèm theo Thông tư số 13/2020/TT-BLĐTBXH ngày 27 tháng 11 năm 2020 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)

SỔ THỐNG KÊ TAI NẠN LAO ĐỘNG NĂM

- Tên doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức (sau đây gọi chung là cơ sở):.....
- Cơ quan quản lý cấp trên:..... - Lĩnh vực sản xuất chính của cơ sở¹:.....
- Thuộc loại hình cơ sở²:..... Mã loại hình cơ sở:

--	--	--	--
- Tổng số lao động bình quân trong năm:..... người; trong đó nữ: người
- Tổng quỹ lương:.....triệu đồng

TT	Họ và tên	Mã số bảo hiểm xã hội	Giới tính	Năm sinh	Nghề nghiệp ³	Tuổi nghề (năm)	Mức lương (1.000 đ)	Trình độ	Bậc thợ	Loại hợp đồng lao động ⁴	Nơi làm việc ⁵ (tổ/đội/phân xưởng/phòng/ban)	Nơi xảy ra tai nạn lao động Ngày, Giờ, Số giờ đã làm việc trong ca, ngày làm việc cho đến khi tai nạn xảy ra	Yếu tố gây chấn thương ⁶	Loại chấn thương ⁷	Đã huấn luyện ATVSLĐ	Nguyên nhân gây tai nạn lao động ⁸	Tình trạng thương tích			Thiệt hại						Ghi chú			
																	Chết	Bị thương		Tổng số ngày nghỉ vì tai nạn lao động ⁹	Chi phí tính bằng tiền (1.000 đ)				Thiệt hại tài sản (1.000 đ)				
																		Nặng	Nhẹ		Tổng số	Khoản chi cụ thể							
																						Y tế	Trả lương trong thời gian điều trị	Bồi thường / Trợ cấp			Chi phí khác		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	
2																													
Tổng số																													

Ghi chú:

- ¹ Ghi tên ngành, mã ngành theo Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam do Thủ tướng Chính phủ ban hành theo quy định của Luật Thống kê.
- ² Ghi tên, mã số theo danh mục và mã số các đơn vị kinh tế, hành chính sự nghiệp theo quy định pháp luật hiện hành trong báo cáo thống kê, thống nhất ghi cấp 1.
- ³ Ghi tên và mã số nghề nghiệp theo danh mục nghề nghiệp do cơ quan có thẩm quyền ban hành theo Luật Thống kê, thống nhất ghi cấp 3.
- ⁴ Ghi có hợp đồng lao động (ghi rõ: không xác định thời hạn; xác định thời hạn; theo mùa vụ hoặc theo một công việc nhất định thời hạn dưới 12 tháng) hoặc không có hợp đồng lao động.
- ⁵ Ghi theo cơ cấu tổ chức của đơn vị (không phải là vị trí làm việc).
- ⁶ Ghi tên và mã số của 01 yếu tố chính gây chấn thương trong danh mục các yếu tố gây chấn thương quy định tại Phụ lục IV Thông tư này.
- ⁷ Ghi theo danh mục các chấn thương để xác định loại tai nạn lao động nặng ban hành kèm theo Phụ lục II Nghị định số 39/2016/NĐ-CP.
- ⁸ Ghi 01 nguyên nhân chính gây tai nạn lao động theo nguyên nhân tại biên bản điều tra tai nạn lao động.
- ⁹ Tất cả những vụ tai nạn lao động làm cho người lao động thuộc quyền quản lý phải nghỉ làm việc từ một ngày trở lên đều phải được thống kê để báo cáo tai nạn lao động.

Phụ lục II
MẪU SỔ THỐNG KÊ TAI NẠN LAO ĐỘNG CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG LÀM VIỆC KHÔNG THEO HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG TRÊN ĐỊA BÀN XÃ/PHƯỜNG/THỊ TRẤN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 13/2020/TT-BLĐTBXH ngày 27 tháng 11 năm 2020 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ/PHƯỜNG/THỊ TRẤN....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SỔ THỐNG KÊ TAI NẠN LAO ĐỘNG NĂM.

TT	Tên người bị tai nạn	Giới tính	Năm sinh	Nghề nghiệp ¹	Nơi cư trú	Thông tin vụ tai nạn lao động							Ghi chú
						Ngày, giờ xảy ra tai nạn	Nơi xảy ra tai nạn	Tình trạng nạn nhân (chết, bị thương)	Yếu tố gây chấn thương ²	Loại chấn thương ³	Nguyên nhân gây tai nạn lao động ⁴	Thiệt hại về tài sản (nếu có, đơn vị tính: 1.000 đồng)	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
2													
3													
Tổng số:													

Ghi chú:

¹ Ghi tên và mã số nghề nghiệp theo danh mục nghề nghiệp do cơ quan có thẩm quyền ban hành theo Luật Thống kê, thống nhất ghi cấp 3.

² Ghi tên và mã số của 01 yếu tố chính gây chấn thương trong danh mục các yếu tố gây chấn thương quy định tại Phụ lục IV Thông tư này.

³ Ghi theo danh mục các chấn thương để xác định loại tai nạn lao động nặng ban hành kèm theo Phụ lục II Nghị định số 39/2016/NĐ-CP.

⁴ Ghi 01 nguyên nhân chính gây tai nạn lao động theo nguyên nhân tại biên bản điều tra tai nạn lao động.

Phụ lục III

MẪU SỔ THỐNG KÊ TAI NẠN LAO ĐỘNG CỦA CƠ QUAN CHUYÊN NGÀNH THỰC HIỆN ĐIỀU TRA TAI NẠN LAO ĐỘNG
(Ban hành kèm theo Thông tư số 13/2020/TT-BLĐTBXH ngày 27 tháng 11 năm 2020 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)

SỔ THỐNG KÊ TAI NẠN LAO ĐỘNG NĂM

Tên cơ quan:.....

TT	Họ và tên	Mã số bảo hiểm xã hội	Giới tính	Năm sinh	Nghề nghiệp ¹	Tuổi nghề (năm)	Mức lương (1.000 đ)	Trình độ	Bậc thợ	Loại hợp đồng lao động ²	Nơi làm việc ³ (tổ/đội/phân xưởng/phòng/ban)	Nơi xảy ra tai nạn lao động	Ngày, Giờ, Số giờ đã làm việc trong ca, ngày làm việc cho đến khi tai nạn xảy ra	Yếu tố gây chấn thương ⁴	Loại chấn thương ⁵	Đã huấn luyện ATVSLĐ	Nguyên nhân gây tai nạn lao động ⁶	Tình trạng thương tích		Thiệt hại							Ghi chú	
																		Chết	Bị thương		Tổng số ngày nghỉ vì tai nạn lao động ⁷	Chi phí tính bằng tiền (1.000 đ)				Thiệt hại tài sản (1.000 đ)		
																			Nặng	Nhẹ		Tổng số	Khoản chi cụ thể					
																							Y tế	Trả lương trong thời gian điều trị	Bồi thường / Trợ cấp			Chi phí khác
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29
2																												
3																												
Tổng số																												

Ghi chú:

- ¹ Ghi tên và mã số nghề nghiệp theo danh mục nghề nghiệp do cơ quan có thẩm quyền ban hành theo Luật Thống kê, thống nhất ghi cấp 3.
- ² Ghi có hợp đồng lao động (ghi rõ: không xác định thời hạn; xác định thời hạn; theo mùa vụ hoặc theo một công việc nhất định thời hạn dưới 12 tháng) hoặc không có hợp đồng lao động.
- ³ Ghi theo cơ cấu tổ chức của đơn vị (không phải vị trí làm việc).
- ⁴ Ghi tên và mã số của 01 yếu tố chính gây chấn thương trong danh mục các yếu tố gây chấn thương quy định tại Phụ lục IV Thông tư này.
- ⁵ Ghi theo danh mục các chấn thương để xác định loại tai nạn lao động nặng ban hành kèm theo Phụ lục II Nghị định số 39/2016/NĐ-CP.
- ⁶ Ghi 01 nguyên nhân chính gây tai nạn lao động theo nguyên nhân tại biên bản điều tra tai nạn lao động.
- ⁷ Tất cả những vụ tai nạn lao động làm cho người lao động thuộc quyền quản lý phải nghỉ làm việc từ một ngày trở lên đều phải được thống kê để báo cáo tai nạn lao động.

Phụ lục IV

DANH MỤC CÁC YẾU TỐ GÂY CHÂN THƯƠNG ĐỂ PHÂN LOẠI TAI NẠN LAO ĐỘNG¹

(Ban hành kèm theo Thông tư số 13/2020/TT-BLĐTBXH ngày 27 tháng 11 năm 2020 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)

Tên chỉ tiêu thống kê	Mã số
Điện ²	1
Phóng xạ	2
Máy, thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động	3
Thiết bị áp lực	3.1
Thiết bị nâng	3.2
Bộ phận truyền động, chuyển động của máy, thiết bị gây cán, cùn, đè, ép, kẹp, cắt, va đập,.... ³	4
Vật văng bắn ³	5
Vật rơi, đổ, sập ³	6
Sập đổ công trình, giàn giáo	6.1
Sập lò, sập đất đá	6.2
Cây đổ, rơi	6.3
Khác	6.4
Sinh vật và vi sinh vật	7
Ngộ độc ⁴	8
Cháy nổ	9
Cháy nổ do vật liệu nổ	9.1
Cháy nổ do xăng dầu, khí đốt	9.2
Khác	9.3
Nhiệt độ khắc nghiệt ⁵	10
Đuối nước	11
Ngạt khí hoặc thiếu dưỡng khí ⁶	12

Ngã cao ⁷	13
Tai nạn giao thông	14
Khi đang thực hiện nhiệm vụ	14.1
Trên tuyến đường đi và về giữa nơi ở và nơi làm việc	14.2
Căng thẳng thần kinh tâm lý	15
Các yếu tố gây chấn thương khác	16

Ghi chú:

¹ Sử dụng bảng danh mục:

- Xác định một yếu tố chính gây chấn thương trong trường hợp có nhiều yếu tố gây chấn thương. Ví dụ: Người lao động khi làm việc trên cột điện, bị điện giật làm ngã cao gây tai nạn thì yếu tố chính gây chấn thương chính đó là điện.

- Đối với vụ tai nạn giao thông thì yếu tố chính gây chấn thương là “Tai nạn giao thông” (mã số 14).

² Yếu tố “Điện” bao gồm cả điện giật, bong điện, ngã cao do điện giật.

³ Các Yếu tố “Bộ phận truyền động, chuyển động của máy, thiết bị gây cán, cuốn, đè, ép, kẹp, cắt, va đập,...”; “Vật văng bắn”; “Vật rơi, đổ, sập” không bao gồm các trường hợp yếu tố gây chấn thương do thiết bị áp lực, thiết bị nâng.

⁴ Yếu tố “Ngộ độc” không bao gồm các trường hợp ngộ độc do “sinh vật và vi sinh vật” gây ra.

⁵ Yếu tố “Nhiệt độ khắc nghiệt” bao gồm cả các trường hợp gây bỏng nóng, bỏng lạnh, không bao gồm bỏng do “cháy nổ”.

⁶ Yếu tố “Ngạt khí hoặc thiếu dưỡng khí” không bao gồm các trường hợp “đuối nước”, “ngộ độc”.

⁷ Yếu tố “Ngã cao” không bao gồm các trường hợp ngã do điện giật, do “vật văng bắn”, “vật rơi, đổ, sập”.